TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LẮK** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2023/HS-ST
Ngày 20-02-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẮK, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Tâm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Lý – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lắk, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lắk, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Mã Thị Hoàng Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lắk, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục rút gọn vụ án hình sự thụ lý số 03/2023/TLST-HS ngày 10 tháng 02 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2023/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 02 năm 2023 đối với:

1. Bị cáo Võ Văn T, sinh năm 1996 tại tỉnh Đắk Lắk; nơi đăng ký thường trú: Thôn H, xã Đ, huyện L, tỉnh Đắk Lắk; chỗ ở hiện nay: Buôn M, xã Đ, huyện L, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: làm nông; dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: không; trình độ văn hóa: 10/12; con ông Võ Văn T, sinh năm 1970 và bà Phạm Thị Ngọc H, sinh năm 1974; bị cáo có vợ và 02 con, con lớn nhất sinh năm 2017, con nhỏ nhất sinh năm 2021; tiền án: không; tiền sự: không; hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; (có mặt).

2. Bị cáo Mã Văn M, sinh năm 1985 tại tỉnh Bắc Kạn; nơi cư trú: Buôn M, xã Đ, huyện L, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: làm nông; dân tộc: Tày; Quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: không; trình độ văn hóa: 07/12; con ông Mã Văn N (đã chết) và bà Quan Thị H, sinh năm 1953; bị cáo có vợ và chưa có con; tiền án: không; tiền sự: không; hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; (có mặt).

3. Bị cáo Lý Văn T1, sinh năm 1983 tại tỉnh Bắc Kạn; nơi cư trú: Buôn M, xã Đ, huyện L, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: làm nông; dân tộc: Tày; Quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: không; trình độ văn hóa: 05/12; con ông Lý Văn L (đã chết) và bà Lường Thị S, sinh năm 1961; bị cáo có vợ và 03 con, con lớn nhất sinh năm 2005, con nhỏ nhất sinh năm 2014; tiền án: không; tiền sự: không; hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; (có mặt).

4. Bị cáo Bùi Đức T2, sinh năm 1991 tại tỉnh Đắk Lắk; nơi cư trú: Buôn M, xã Đ, huyện L, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: làm nông; dân tộc: Kinh; Quốc tịch:

Việt Nam; tôn giáo: không; trình độ văn hóa: 09/12; con ông Bùi Minh C, sinh năm 1963 và bà Quan Thị C, sinh năm 1976; bị cáo có vợ và 02 con, con lớn nhất sinh năm 2016, con nhỏ nhất sinh năm 2018; tiền án: không; tiền sự: không; hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; (có mặt).

- Người bào chữa cho bị cáo Mã Văn M: Bà Trần Thị Phương L - Trợ giúp viên pháp lý của T tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Đắk Lắk; địa chỉ: 39 Lý Thường K, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; (có mặt).

- Người bào chữa cho bị cáo Lý Văn T1: Bà Nguyễn Thị X - Trợ giúp viên pháp lý của T tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Đắk Lắk; địa chỉ: 39 Lý Thường K, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; (có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị Chị Nông Thị T, sinh năm 1999; địa chỉ: Buôn M, xã Đ, huyện L, tỉnh Đắk Lắk; (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 14 giờ 00 phút ngày 11/01/2023, Võ Văn T ngồi uống nước trước hiên nhà thì Mã Văn M, Bùi Đức T2 đến chơi. Ngồi chơi một lúc thì T nói "Làm tý xì lác (xì lát) cho vui không" thì M và T2 đồng ý. T qua tiệm tạp hóa mua 01 bộ bài tây 52 lá rồi cùng M và T2 xuống bếp nhà T chơi đánh bài xì lát thắng thua bằng tiền. T lấy 01 chiếc chăn trải ra nền nhà, các đối tượng thống nhất cách chơi như sau: Mỗi ván chơi sẽ có 01 người làm cái, mỗi người được làm cái 05 ván sau đó sẽ đổi người làm cái, mỗi lần đặt cược thấp nhất là 10.000 đồng, cao nhất là 20.000 đồng, người làm cái sẽ là người chia bài và được tùy ý chia bài theo chiều kim đồng hồ hoặc ngược lại; mỗi người được chia 02 lá bài sau đó có thể rút thêm 03 lá bài sao cho số bài đang cầm không quá 05 lá, số điểm tối thiểu là 16 điểm, tối đa là 21 điểm. Cách thức tính điểm là: đối với lá bài A (lá xì) trường hợp phát 02 lá bài mà đều có lá bài A thì được tính là "xì bàn" (bài lớn nhất) được tính thắng tất cả các lá bài còn lại, trường hợp phát 02 lá bài mà có lá bài A đi kèm với lá bài 10, J, Q, K bất kỳ thì được tính là "xì lát", được tính thắng tất cả các lá bài còn lại, trừ bài "xì bàn", trường hợp phát 03 lá bài thì A có thể tính 10 điểm hoặc 11 điểm hoặc 1 điểm tùy ý người chơi, trong trường hợp phát lá bài thứ tư hoặc thứ năm thì lá bài A chỉ có thể tính là 1 điểm; đối với các lá bài 2,3,4,5,6,7,8,9 thì được tính lần lượt là 2,3,4,5,6,7,8,9 điểm; đối với các lá bài 10, J, Q, K thì đều được tính là 10 điểm. Người chơi nào có điểm số từ 22 điểm trở lên thì gọi là "oác", người chơi nào mà phát 05 lá bài mà tổng điểm từ 21 điểm trở xuống thì được gọi là "linh". Cách tính thắng thua được tính so sánh điểm trực tiếp với người làm cái, nếu người chơi đồng điểm với người làm cái (cùng số điểm, cùng xì bàn, cùng xì lát, cùng linh, cùng oác) thì gọi là "chạy bài" (không mất tiền và không được thêm tiền đã đặt cược), nếu thắng người làm cái thì được số tiền bằng tiền đã đặt cược, nếu thua thì mất số tiền đã đặt cược cho người làm cái. Khi các đối tượng chơi bài được 20 phút thì Lý Văn T1 sang nhà T chơi, nhìn các đối tượng chơi được 02 ván thì Lý Văn T1 nói "chia cho tôi một cửa" và cùng ngồi chơi. Bị cáo T dùng số tiền 880.000 đồng để đánh bạc, bị cáo M dùng số tiền 2.460.000 đồng để đánh bạc, bị

cáo T1 sử dụng số tiền 380.000 đồng để đánh bạc, bị cáo T2 dùng số tiền 1.540.000 đồng để đánh bạc. Đến khoảng 14 giờ 40 phút ngày 11/01/2023, khi T, M, T2, T1 đang thực hiện hành vi đánh bạc thì bị Tổ công tác Công tác Công an huyện Lắk phối hợp với Công an xã Đắk Liêng phát hiện, lập biên bản phạm tội quả tang, thu giữ số tiền 5.260.000 đồng trên chiếu bạc, 01 chiếc chăn và 01 bộ bài tây 52 lá.

Tại Kết luận giám định số 10 ngày 30/01/2023 của Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh huyện Lắk, tỉnh Đắk Lắk kết luận số tiền 5.260.000 đồng thu giữ trên chiếu bạc là tiền thật.

Tại Kết luận định giá tài sản số 05/KL-HĐĐGTS ngày 31/01/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng huyện Lắk luận: Tổng giá trị của tài sản (căn phòng bếp) là 9.302.000 đồng (chín triệu ba trăm lẻ hai nghìn đồng).

Về vật chứng của vụ án: Quá trình điều tra vụ án, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Lắk tiến hành thu giữ: 01 bộ bài tây 52 lá, 01 cái chăn kích thước (1m6 x 1m4); số tiền 5.260.000 đồng thu giữ trên chiếu bạc.

Đối với căn phòng bếp có diện tích 18.81 m^2 trong ngôi nhà của bị cáo T đã sử dụng làm địa điểm đánh bạc. Quá trình điều tra xác định, căn phòng bếp này nằm trong ngôi nhà thuộc quyền sở hữu chung hợp pháp của bị cáo T và chị Chị Nông Thị T (vợ bị cáo), việc bị cáo sử dụng địa điểm trên để chơi đánh bạc, chị T không biết nên cần tịch thu sung công quỹ Nhà nước ½ giá trị căn phòng bếp.

Đối với bị cáo T đã có hành vi tổ chức đánh bạc, mục đích T lấy các công cụ, địa điểm căn phòng bếp trong nhà của mình là để trực tiếp tham gia đánh bạc cùng với các con bạc khác, quá trình đánh bạc T và các con bạc khác không thỏa thuận việc thu, đóng tiền xâu cho T, số lượng chiếu bạc, số người chơi chưa đủ định lượng để xử lý trách nhiệm hình sự nên hành vi của bị cáo chưa đủ yếu tố cấu thành tội Tổ chức đánh bạc hoặc gá bạc theo quy định tại Điều 322 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo Võ Văn T, Mã Văn M, Lý Văn T1 và Bùi Đức T2 khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như Quyết định truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Lắk đã truy tố.

Quyết định truy tố số 01/QĐ-VKS ngày 08/02/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Lắk truy tố các bị cáo Võ Văn T, Mã Văn M, Lý Văn T1 và Bùi Đức T2 về tội "Đánh bạc" theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm như Quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Tuyên bố các bị cáo Võ Văn T, Mã Văn M, Lý Văn T1 và Bùi Đức T2 phạm tội "Đánh bạc".

- Căn cứ: khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Võ Văn T, Bùi Đức T2 từ 09 tháng đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 năm 06 tháng tháng đến 02 năm, thời hạn chấp hành hình phạt của bị cáo tính từ ngày tuyên án sơ thẩm

- Căn cứ: khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, khoản 2 Điều 36 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Mã Văn M, Lý Văn T1 từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng cải tạo không giam giữ.

Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo M, bị cáo T1 trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Miễn áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo Võ Văn T, Mã Văn M, Lý Văn T1 và Bùi Đức T2.

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự, khoản 2, khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu hủy 01 bộ bài tây 52 lá, 01 cái chăn có kích thước (1m6 x 1m4).

Tịch thu sung công quỹ nhà nước số tiền 5.260.000 đồng thu giữ trên chiếu bạc.

Tịch thu sung công quỹ Nhà nước ½ giá trị căn phòng bếp có diện tích 18.81 m^2 đương đương với số tiền 4.651.000 đồng và trả lại ½ giá trị căn phòng bếp đương đương với số tiền 4.651.000 đồng cho chị Chị Nông Thị T.

Người bào chữa cho bị cáo Mã Văn M trình bày: Đồng ý với tội danh mà Viện kiểm sát nhân dân huyện Lắk đã truy tố. Tuy nhiên, đề nghị Hội đồng xét xử cân nhắc xem xét đến nguyên nhân, điều kiện phạm tội, nhân thân cũng như các tình tiết giảm nhẹ mà bị cáo được hưởng như: bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiệp trọng; bị cáo là người dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, nhận thức pháp luật còn hạn chế; gia đình bị cáo khó khăn, thuộc hộ nghèo; bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự, có nơi cư trú rõ ràng. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, khoản 2 Điều 36 Bộ luật hình sự cho cho bị cáo cải tạo không giam giữ để bị cáo có điều kiện hòa nhập cộng đồng.

Người bào chữa cho bị cáo Lý Văn T1 trình bày: Đồng ý với tội danh mà Viện kiểm sát nhân dân huyện Lắk đã truy tố. Tuy nhiên, đề nghị Hội đồng xét xử cân nhắc xem xét đến nguyên nhân, điều kiện phạm tội, nhân thân cũng như các tình tiết giảm nhẹ mà bị cáo được hưởng như: bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiệp trọng; bị cáo là người dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, nhận thức pháp luật còn hạn chế; gia đình bị cáo khó khăn, thuộc hộ nghèo; bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự, có nơi cư trú rõ ràng. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 34 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo hình phạt cảnh cáo cũng đủ để răn đe, giáo dục bị cáo.

Các bị cáo Võ Văn T, Mã Văn M, Lý Văn T1 và Bùi Đức T2 thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bị cáo như Quyết định truy tố; các bị cáo không có ý kiến tranh luận với đại diện Viện kiểm sát mà chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo hưởng mức án dưới mức thấp nhất mà Viện kiểm sát đề nghị.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an huyện Lắk, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Lắk, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự; các bị cáo, những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra; phù hợp với biên bản phạm tội quả tang; phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án về thời gian, địa điểm, diễn biến hành vi bị cáo đã thực hiện, phù hợp với toàn bộ vật chứng đã thu được tại hiện trường, qua đó có đủ căn cứ xác định: Khoảng 14 giờ ngày 11/01/2023 đến khoảng 14 giờ 40 phút cùng ngày, Võ Văn T, Mã Văn M, Lý Văn T1 và Bùi Đức T2 đã tham gia đánh bạc thắng thua bằng tiền với hình thức đánh bài xì lát tại phòng bếp của gia đình bị cáo T tại buôn M, xã Đ, huyện L, tỉnh Đắk Lắk với tổng số tiền tham gia đánh bạc là 5.260.000 đồng. Vì vậy, hành vi của các bị cáo Võ Văn T, Mã Văn M, Lý Văn T1 và Bùi Đức T2 đã phạm vào tội "Đánh bạc" theo khoản 1 điều 321 của Bộ luật hình sự;

Điều 321của Bộ luật hình sự quy định:

"1. Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật trị giá từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 5.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc hành vi quy định tại Điều 322 của Bộ luật này hoặc đã bị kết án về tội này hoặc tội quy định tại Điều 322 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm".

[3] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến trật tự, an toàn công cộng và phần nào gây dư luận xấu tại địa phương. Các bị cáo là những người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, có đủ khả năng để nhận thức được hành vi đánh bạc trái phép được thua bằng tiền là bị Nhà nước ta nghiêm cấm, nhưng do hám lợi nên các bị cáo đã xem nhẹ quy định pháp luật của Nhà nước. Do vậy, cần phải xử phạt thỏa đáng để giáo dục, cải tạo các bị cáo, đồng thời cũng để răn đe, phòng ngừa đối với người khác.

[4] Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, các bị cáo tham gia với vai trò là người thực hành, trực tiếp tham gia đánh bạc, nên cần phân tích, đánh giá vai trò,

tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng trách nhiệm hình sự của từng bị cáo khi quyết định hình phạt.

[5] Các bị cáo trực tiếp tham gia đánh bạc thắng thua bằng tiền với hình thức đánh bài xì lát. Bị cáo T là người khởi xướng, chuẩn bị địa điểm và các công cụ khác để phục vụ cho việc đánh bạc, nên hình phạt mà bị cáo phải chịu là nặng hơn các bị cáo khác. Bị cáo M tham gia đánh bạc với số tiền 2.460.000 đồng là lớn nhất nên hình phạt mà bị cáo phải chịu là nặng hơn bị cáo T1. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, các bị cáo sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Bị cáo M, T1 thuộc diện hộ nghèo, là đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nên nhận thức pháp luật còn hạn chế. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

[6] Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, đều là lao động chính trong gia đình, sinh sống ở khu vực có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định của Chính phủ, nên xét thấy không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội, mà cho các bị cáo được cải tạo tại địa phương nơi các bị cáo cư trú, dưới sự giám sát của chính quyền địa phương và gia đình cũng đảm bảo việc giáo dục, cải tạo các bị cáo.

[7] Về hình phạt bổ sung và khấu trừ thu nhập: Các bị cáo sống ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biết khó khăn theo quy định của Chính phủ, bị cáo M và bị cáo T1 thuộc diện hộ nghèo nên miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo. Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo M, bị cáo T1 trong thời gian cải tạo không giam giữ.

[8] Đề nghị của người bào chữa cho bị cáo Lý Văn T1 về áp dụng hình phạt cảnh cáo đối với bị cáo T1 là không có căn cứ nên không chấp nhận.

[9] Mức hình phạt đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lắk đề nghị áp dụng đối với các bị cáo là phù hợp nên được chấp nhận.

[10] Về vật chứng của vụ án: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự, khoản 2, khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự:

Tịch thu tiêu hủy 01 bộ bài tây 52 lá, 01 cái chăn có kích thước (1m6 x 1m4).

Tịch thu sung công quỹ nhà nước số tiền 5.260.000 đồng thu giữ trên chiếu bạc.

Tịch thu sung công quỹ Nhà nước ½ giá trị căn phòng bếp đương đương với số tiền 4.651.000 đồng mà bị cáo T đã dùng làm địa điểm đánh bạc và trả lại ½ giá trị căn phòng bếp đương đương với số tiền 4.651.000 đồng cho chị Chị Nông Thị T.

[11] Về án phí: Buộc bị cáo T và bị cáo T2 phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo M và bị cáo T1 là đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nên được miễn án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Các bị cáo Võ Văn T, Mã Văn M, Lý Văn T1 và Bùi Đức T2 phạm tội "Đánh bạc".

- Căn cứ: khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, khoản 2, khoản 5 Điều 65 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Võ Văn T 11 (Mười một) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (Một) năm 10 (Mười) tháng, thời hạn chấp hành hình phạt của bị cáo tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Xử phạt bị cáo Bùi Đức T2 09 (Chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng, thời hạn chấp hành hình phạt của bị cáo tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Võ Văn T, Bùi Đức T2 cho Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện L, tỉnh Đắk Lắk giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách, gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 92 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

- Căn cứ: khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, khoản 2 Điều 36 Bộ luật hình sự 2015.

Xử phạt bị cáo Mã Văn M 01 (Một) năm 03 (Ba) tháng cải tạo không giam giữ.

Xử phạt bị cáo Lý Văn T1 01 (Một) năm cải tạo không giam giữ.

Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện L, tỉnh Đắk Lắk nơi bị cáo M, bị cáo T1 cư trú nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo Mã Văn M, Lý Văn T1 cho Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện L giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ. Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã Đ trong việc giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo M, bị cáo T1 trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Miễn áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với các bị cáo Võ Văn T, Mã Văn M, Lý Văn T1 và Bùi Đức T2.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự, khoản 2, khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu hủy 01 bộ bài tây 52 lá bài (đã qua sử dụng), 01 chiếc chăn có kích thước (1m6 x 1m4), (theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 13/02/2023 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra công an huyện Lắk, tỉnh Đắk Lắk và Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Đắk Lắk).

Tịch thu sung công quỹ nhà nước số tiền 5.260.000 đồng thu giữ trên chiếu bạc.

Tịch thu sung công quỹ Nhà nước ½ giá trị căn phòng bếp có diện tích 18.81 m^2 đương đương với số tiền 4.651.000 đồng mà bị cáo Võ Văn T đã dùng làm địa điểm đánh bạc và trả lại ½ giá trị căn phòng bếp đương đương với số tiền 4.651.000 đồng cho chị Chị Nông Thị T.

Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 21, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn,giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Võ Văn T, bị cáo Bùi Đức T2 mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm; bị cáo Mã Văn M, bị cáo Lý Văn T1 được miễn án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Bị cáo;
- Người bào chữa;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- VKSND H. Lắk;
- VKSND T. Đắk Lắk;
- Cơ quan điều tra Công an H. Lắk;
- Cơ quan THAHS Công an H. Lắk;
- Chi cục THADS H. L;
- P. Giám đốc, kiểm tra TAND T. Đắk Lắk;
- Lưu: Văn phòng, hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Bùi Văn Tâm